

THỰC TRẠNG HÔN NHÂN CẬN HUYẾT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP LÀM GIẢM HÔN NHÂN CẬN HUYẾT Ở NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TẠI TỈNH ĐIỆN BIÊN

Nguyễn Phúc Hưng¹, Hoàng Kim Thanh² và Đào Huy Khuê³

¹Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

²Bộ môn Khoa học Cơ bản, Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn

³Trung tâm Nghiên cứu Nhân học, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam

Tóm tắt. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng hôn nhân cận huyết (HNCH) của người dân tộc thiểu số (DTTS) tại tỉnh Điện Biên, từ đó đề xuất các giải pháp làm giảm tình trạng này trong cộng đồng các dân tộc thiểu số. Thông tin được thu thập thông qua 762 bảng hỏi hộ gia đình người DTTS trên địa bàn 18 xã, thuộc 6 huyện của tỉnh Điện Biên. Kết quả cho thấy, tỉ lệ HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên là 2,2%, phân bố không đều giữa các dân tộc khác nhau. Các dân tộc có tỉ lệ HNCH cao là Mông, Lào, Kháng và Công. Hiểu biết của người DTTS về HNCH là khá thấp, khi có tới 56,4% người dân không có hiểu biết tốt và 8,1% người dân không biết về HNCH. Số người DTTS tại tỉnh Điện Biên coi HNCH là bình thường chiếm tới 11,9% và số người dân ủng hộ việc này chiếm 1,2%. Số các trường hợp HNCH bị chính quyền địa phương xử phạt chỉ chiếm 35,3%, trong khi đó, số trường hợp không bị xử phạt chiếm tới 58,8%. Xuất phát từ thực trạng về HNCH tại tỉnh Điện Biên, các giải pháp được đề xuất nhằm giảm tình trạng này bao gồm: (1) Giải pháp về tuyên truyền và vận động để nâng cao hiểu biết và thái độ của người dân, và (2) Giải pháp về nâng cao công tác quản lý của chính quyền địa phương về HNCH.

Từ khóa: Hôn nhân cận huyết, dân tộc thiểu số, Điện Biên.

1. Mở đầu

Hôn nhân cận huyết (HNCH) là hình thức hôn nhân giữa những người có cùng huyết thống trực hệ, có thể là hôn nhân giữa anh chị em họ, giữa con chú và con bác, hay giữa con của anh chị em cùng cha mẹ, thậm chí là giữa anh chị em ruột. Nhiều nghiên cứu khoa học hiện đại chứng minh rằng, HNCH có ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe con người. Những đứa trẻ sinh ra từ các cặp vợ chồng kết hôn cận huyết dễ dị dạng hoặc mang các bệnh di truyền, phổ biến như hồng cầu hình liềm, rối loạn chuyển hóa, thiếu enzyme G6PD, tan máu bẩm sinh, mù màu, bạch tạng, biến dạng xương mặt, bụng phình to và có thể dẫn đến tử vong [1-4]. Ngoài ra, HNCH cũng làm tăng tỷ lệ vô sinh ở cả nam và nữ [5].

Điện Biên là tỉnh biên giới thuộc vùng núi Tây Bắc. Người dân tộc thiểu số (DTTS) đang sinh sống tại Điện Biên chiếm tới hơn 80% tổng số dân [6]. Ngoài những dân tộc có dân số lớn như Thái, Mông còn có một số DTTS ít người đặc biệt khó khăn như La Hủ, Công, Si La, Mảng.

Ngày nhận bài: 27/12/2018. Ngày sửa bài: 19/3/2019. Ngày nhận đăng: 26/3/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Phúc Hưng. Địa chỉ e-mail: hungnp@hnue.edu.vn

Hiện tại, ở những vùng khó khăn của tỉnh Điện Biên còn tồn tại nhiều vấn đề bất cập liên quan đến hôn nhân và gia đình của người DTTS. Trong các vấn đề liên quan đến hôn nhân và gia đình của người DTTS tại tỉnh Điện Biên, tình trạng HNCH đã và đang diễn ra phổ biến, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, nòi giống, kinh tế - xã hội và sự ổn định cuộc sống của người dân [6-7].

Cho đến nay, chưa có một công trình nghiên cứu nào mang tính toàn diện, cụ thể và hệ thống để đưa ra các nội dung định lượng và định tính về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và đề xuất các giải pháp giải quyết một cách có hiệu quả tình trạng HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên. Hơn nữa, Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng DTTS giai đoạn 2015-2025” đã được Chính phủ đã phê duyệt nhằm phấn đấu đến năm 2025 cơ bản ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng tảo hôn và HNCH trong vùng người DTTS, nâng cao chất lượng dân số và nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp phát triển bền vững vùng DTTS và miền núi. Do đó, để góp phần thực hiện mục tiêu chung của Chính phủ, việc tiến hành nghiên cứu thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân, các yếu tố ảnh hưởng đến HNCH và đề xuất giải pháp nhằm giảm tỉ lệ HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên là phù hợp và cần thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và địa điểm nghiên cứu

Thực trạng HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên được nghiên cứu trên 6 huyện, bao gồm: huyện Điện Biên, Điện Biên Đông, Mường Chà, Mường Nhé, Tuần Giáo và huyện Nậm Pồ. Trong mỗi huyện, ba xã có đông người DTTS sẽ được lựa chọn để tiến hành nghiên cứu. Trong nghiên cứu này, có tổng số 762 hộ gia đình thuộc 13 DTTS đang sinh sống tại tỉnh Điện Biên tham gia. Số lượng hộ gia đình người DTTS là không đồng đều giữa các xã, do đó, số lượng bảng hỏi thu được là không giống nhau trên các địa bàn này.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thực trạng HNCH của người DTTS được tìm hiểu và thu thập thông qua bộ công cụ nghiên cứu là bảng hỏi thiết kế sẵn và được phê duyệt bởi Trung tâm Nghiên cứu Nhân học, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam. Các thông tin trong bảng hỏi bao gồm: Thông tin địa điểm, thông tin cá nhân, tình trạng kinh tế và học vấn; các thông tin về thực trạng HNCH trong hộ gia đình; các thông tin về hiểu biết về HNCH; các thông tin về quan điểm cá nhân và thái độ đối với HNCH; các thông tin về chính sách và tình hình xử lý của chính quyền địa phương đối với những trường hợp HNCH. Các thông tin thu được trong các bảng hỏi được phân tích và xử lý thống kê bằng phần mềm SPSS 16.0. Việc so sánh giữa các tỉ lệ dựa vào χ^2 -test với mức ý nghĩa $\alpha = 0,05$.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Tỉ lệ hôn nhân cận huyết của người dân tộc thiểu số tại tỉnh Điện Biên

Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, tỉ lệ HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên là không giống nhau giữa các dân tộc. Tỉ lệ HNCH cao hơn ở các dân tộc như: Khơ Mú, Kháng, Xinh Mun, Cống, Lào và Mông. Ngoài những dân tộc sống thành cộng đồng nhỏ như Khơ Mú, Kháng, Xinh Mun, Cống, Lào thì người Mông có tỉ lệ HNCH chiếm tỉ lệ cao (7,6%). Ngược lại, một số dân tộc như Thái, Nùng, Si La, Hoa và Hà Nhì không phát hiện thấy HNCH trong số các hộ gia đình tham gia nghiên cứu. Xét trên tổng thể 13 DTTS tại tỉnh Điện Biên, tỉ lệ HNCH là 2,2% (Bảng 1).

Bảng 1. Tỷ lệ hôn nhân cận huyết của người dân tộc thiểu số tại tỉnh Điện Biên

Dân tộc	Số hộ gia đình	Số trường hợp hôn nhân cận huyết	Tỷ lệ hôn nhân cận huyết (%)
Thái	86	0	0,0 ^a
Mông	66	5	7,6 ^f
Lào	49	2	4,1 ^d
Khơ Mú	71	2	2,8 ^c
Nùng	62	0	0,0 ^a
Kháng	54	2	3,7 ^d
Xinh Mun	46	1	2,2 ^b
Tày	46	0	0,0 ^a
Dao	55	1	1,8 ^b
Cống	70	4	5,7 ^e
Si La	46	0	0,0 ^a
Hoa	51	0	0,0 ^a
Hà Nhì	60	0	0,0 ^a
Tổng số	762	17	2,2

Chú thích: Tỷ lệ hôn nhân cận huyết với những chữ thường phía trên bên phải khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa ($P < 0,05$)

Theo Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình, một số dân tộc như Lô Lô, Phù Lá, Chứt, Ê Đê, Chu Ru, Chứt, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, Brâu có tỷ lệ hôn nhân cận huyết khá cao, lên đến xấp xỉ 10%, tập trung nhiều ở các tỉnh miền núi Tây Bắc và Tây Nguyên [7]. Cá biệt, ở một số địa phương thuộc vùng sâu, vùng xa của các tỉnh miền núi, tình trạng HNCH diễn ra rất phổ biến. Tại tỉnh Lai Châu, từ năm 2004 đến 2011 đã có trên 200 trường hợp kết hôn cận huyết, tập trung ở một số DTTS ít người như Mảng, La Hủ, Cống. Ở các dân tộc này, tỷ lệ kết hôn giữa những người có quan hệ họ hàng thân thích (thường là giữa con của anh hoặc em trai với con của chị gái hoặc em gái) lên tới 15% [8]. Tại tỉnh Cao Bằng, HNCH diễn ra phổ biến ở người dân tộc Dao (24%) và Mông (21%) và dân tộc Tày (23%). HNCH xảy ra nhiều nhất tại ba huyện Bảo Lạc, Nguyên Bình và Thông Nông, chiếm trung bình 25% [9]. Trong nghiên cứu này của chúng tôi, tỷ lệ HNCH của người DTTS tại địa bàn 6 huyện của tỉnh Điện Biên là 2,2%, thấp hơn so với số liệu của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình năm 2014 và thấp hơn rõ rệt so với một số địa phương cá biệt như dẫn chứng trên đây. Thực trạng HNCH của người DTTS phụ thuộc vào nhiều yếu tố, như: phong tục tập quán của từng dân tộc, vùng địa lý và thời điểm tiến hành nghiên cứu. Có thể, sự khác nhau giữa số liệu trong nghiên cứu này với các công bố khác trước đây có liên quan đến thời điểm tiến hành nghiên cứu và các vùng địa lý khác nhau với phong tục, tập quán khác nhau của các dân tộc. Hơn nữa, nghiên cứu của chúng tôi được tiến hành trên một địa bàn khá rộng của toàn tỉnh Điện Biên, với 6 huyện và 18 xã khác nhau, nên có thể có những sai khác so với số liệu của các địa phương khác. Tuy nhiên, kết quả của nghiên cứu này khá tương đồng với công bố của tỉnh Sơn La. Theo số liệu thống kê của Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, toàn tỉnh có 783 trường hợp kết hôn cận huyết, chiếm 2,7% trong tổng số cặp kết hôn tại tỉnh này [10].

2.3.2. Hiểu biết của người dân tộc thiểu số về hôn nhân cận huyết

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tiến hành tìm hiểu về mức độ hiểu biết của người DTTS về các trường hợp HNCH và hậu quả của HNCH. Với các bảng hỏi mà người dân trả lời được từ 50% các chỉ tiêu thì sẽ được xếp vào nhóm hiểu biết tốt. Ngược lại, nếu trả lời được dưới 50% các chỉ tiêu trong bảng hỏi về HNCH thì được xếp vào nhóm hiểu biết chưa tốt. Nếu không trả lời được bất kỳ chỉ tiêu nào về HNCH sẽ được xếp vào nhóm không biết. Kết quả nghiên cứu hiểu biết về HNCH của người DTTS tại Điện Biên được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Hiểu biết của người dân tộc thiểu số về hôn nhân cận huyết

Dân tộc	Hiểu biết tốt		Hiểu biết không tốt		Không biết	
	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ
Thái	33	38,4	47	54,7	6	7,0
Mông	20	30,3	40	60,6	6	9,1
Lào	14	28,6	32	65,3	3	6,1
Khơ Mú	27	38,0	39	54,9	5	7,0
Nùng	21	33,9	36	58,1	5	8,1
Kháng	17	31,5	32	59,3	5	9,3
Xinh Mun	15	32,6	27	58,7	4	8,7
Tày	18	39,1	25	54,3	3	6,5
Dao	20	36,4	30	54,5	5	9,1
Cống	24	34,3	39	55,7	7	10,0
Si La	15	32,6 ^a	27	58,7	4	8,7
Hoa	18	35,3	29	56,9	4	7,8
Hà Nhì	22	36,7	33	55,0	5	8,3
Tổng số	270	35,4^b	430	56,4^c	62	8,1^a

Chú thích: Tỉ lệ tổng số về các mức hiểu biết với những chữ thường phía trên bên phải khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa ($P < 0,05$)

Kết quả cho thấy, tỉ lệ người dân ở mỗi mức hiểu biết là khá tương đồng giữa các dân tộc. Tuy nhiên, tỉ lệ người dân ở các mức hiểu biết không giống nhau. Tỉ lệ người dân có hiểu biết tốt chiếm 35,4%, trong khi đó, tỉ lệ người có hiểu biết không tốt là khá cao, chiếm 56,4%. Đặc biệt, có tới 8,1% số người được điều tra không biết về các trường hợp HNCH và hậu quả của nó ($P < 0,05$). Số liệu từ nghiên cứu này chỉ ra rằng, hiểu biết của người DTTS về HNCH là khá thấp. Một số nghiên cứu của các tác giả khác cũng cho thấy thực trạng tương tự, hiểu biết của người dân miền núi nói chung và của người DTTS nói riêng về các khía cạnh của hôn nhân và gia đình, trong đó có HNCH là khá nghèo nàn khi đa số người dân có hiểu biết không đầy đủ hoặc hiểu sai về những vấn đề này [11-12]. Như vậy, hiểu biết thấp kém của người dân về HNCH chính là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng HNCH đã và đang diễn ra trong cộng đồng DTTS tại Điện Biên. Kết quả từ nghiên cứu này cũng cho thấy, rất cần thiết phải tiến hành các biện pháp nhằm nâng cao kiến thức cho người dân về HNCH, về hậu quả và các rủi ro do HNCH gây ra.

2.3.3. Thái độ của người dân tộc thiểu số về hôn nhân cận huyết

Thái độ của người dân có vai trò quan trọng trong việc quyết định hành vi về HNCH. Khi có thái độ đúng đắn, sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hành vi đúng đắn của bản thân cũng như của người khác trong cộng đồng về HNCH. Thái độ của người dân tộc thiểu số về HNCH trong nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Thái độ của người dân tộc thiểu số về hôn nhân cận huyết

Dân tộc	Ủng hộ		Phản đối		Coi là bình thường		Không biết	
	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ
Thái	0	0,0	69	80,2	15	17,4	2	2,3
Mông	2	3,0	51	77,3	10	15,2	3	4,5
Lào	1	2,0	41	83,7	6	12,2	1	2,0
Khơ Mú	1	1,4	60	84,5	8	11,3	2	2,8
Nùng	1	1,6	53	85,5	6	9,7	2	3,2
Kháng	0	0,0	45	83,3	7	13,0	2	3,7
Xinh Mun	1	2,2	38	82,6	5	10,9	2	4,3
Tày	0	0,0	41	89,1	4	8,7	1	2,2
Dao	0	0,0	45	81,8	6	10,9	4	7,3
Cống	1	1,4	55	78,6	8	11,4	6	8,6
Si La	1	2,2	40	87,0	4	8,7	1	2,2
Hoa	0	0,0	42	82,4	5	9,8	4	7,8
Hà Nhì	1	1,7	48	80,0	7	11,7	4	6,7
Tổng số	9	1,2^a	628	82,4^d	91	11,9^c	34	4,5^b

Chú thích: Tỉ lệ tổng số về thái độ với những chữ thường phía trên bên phải khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa ($P < 0,05$)

Kết quả cho thấy, đa số người dân phản đối việc HNCH. Tỉ lệ người dân phản đối HNCH chiếm 82,4%, cao hơn rõ rệt so với số người ủng hộ việc này (1,2%) ($P < 0,05$). Tuy nhiên, vẫn còn tỉ lệ 11,9% người dân trong nghiên cứu coi HNCH là điều bình thường. Đặc biệt, số người dân không biết thể hiện thái độ gì vẫn chiếm tỉ lệ 4,5%. Kết quả này cho thấy, mặc dù thái độ của người DTTS chủ yếu là phản đối HNCH, tuy nhiên, vẫn còn tỉ lệ không nhỏ người dân không có thái độ đúng đắn với việc này. Thực trạng này cũng tương tự với công bố của một số tác giả khác về thái độ của người DTTS đối với HNCH khi có một tỉ lệ không nhỏ người dân không phản đối HNCH hoặc dù biết là không đúng nhưng vẫn kết hôn cận huyết thống [7, 8, 13]. Thái độ không đúng đắn với HNCH cũng là nguyên nhân dẫn đến hành vi không đúng đắn về HNCH và tạo điều kiện cho tình trạng HNCH tiếp diễn trong cộng đồng người DTTS tại tỉnh Điện Biên như hiện nay.

2.3.4. Xử phạt của chính quyền địa phương về hôn nhân cận huyết của người dân tộc thiểu số

Để hạn chế và ngăn chặn tình trạng HNCH thì công tác quản lý của chính quyền địa phương đóng vai trò vô cùng quan trọng. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tìm hiểu về việc xử phạt của chính quyền địa phương đối với các trường hợp HNCH. Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở Bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng xử phạt của chính quyền địa phương đối với hôn nhân cận huyết của người dân tộc thiểu số

Dân tộc	Có xử phạt		Không xử phạt		Không biết	
	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ	n	Tỉ lệ
Mông	3	60,0	1	20,0	1	20,0
Lào	2	100,0	0	0,0	0	0,0
Khơ Mú	0	0,0	2	100,0	0	0,0
Kháng	1	50,0	1	50,0	0	0,0
Xinh Mun	0	0,0	1	100,0	0	0,0
Dao	0	0,0	1	100,0	0	0,0
Cống	0	0,0	4	100,0	0	0,0
Tổng số	6	35,3^b	10	58,8^c	1	5,9^a

Chú thích: Tỉ lệ tổng số về thực trạng xử phạt với những chữ thường phía trên bên phải khác nhau thì khác nhau có ý nghĩa ($P < 0,05$)

Kết quả cho thấy, trong tổng số 17 trường hợp HNCH phát hiện trong nghiên cứu, có tới 58,8% số trường hợp không bị chính quyền địa phương xử phạt. Chỉ có 35,3% số trường hợp bị xử phạt bởi chính quyền địa phương. Như vậy, công tác quản lý, xử phạt các trường hợp HNCH của chính quyền địa phương còn khá hạn chế. Khi việc hôn nhân vi phạm pháp luật, đặc biệt việc hôn nhân đó gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, giống nòi và bị cấm trong Luật Hôn nhân và Gia đình mà không bị chính quyền địa phương xử phạt, có biện pháp quyết liệt ngăn chặn, thì nguy cơ để tình trạng này tiếp diễn là điều khó tránh khỏi. Kết quả của nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng, để giảm tình trạng HNCH trong cộng đồng người DTTS tại tỉnh Điện Biên nói riêng và trên các địa bàn khác nói chung, thì công tác quản lý của chính quyền địa phương cần phải thắt chặt hơn nữa.

2.3.5. Đề xuất giải pháp giảm tình trạng HNCH của người dân tộc thiểu số

Để đề xuất các giải pháp nhằm hạn chế tình trạng HNCH của người DTTS, cần thiết phải phân tích được đầy đủ và chính xác các nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này. Trong nghiên cứu này, chúng tôi dựa vào việc phân tích các nguyên nhân thu được từ kết quả điều tra, nghiên cứu thực tế và từ đó, đề xuất một số giải pháp cần thiết nhằm ngăn chặn tình trạng HNCH trong cộng đồng người DTTS tại tỉnh Điện Biên, bao gồm: (1) Giải pháp tuyên truyền và vận động nhằm nâng cao hiểu biết và thái độ của người dân về HNCH; (2) Giải pháp nâng cao công tác quản lý của chính quyền địa phương về HNCH.

* Giải pháp tuyên truyền và vận động

Hiểu biết của người dân về hôn nhân nói chung và HNCH nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hạn chế tình trạng HNCH này. Điều này càng quan trọng đối với người DTTS vốn có trình độ dân trí thấp, sinh sống ở vùng biên giới hẻo lánh, có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiểu biết về HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên là khá thấp. Người DTTS không có kiến thức đúng về HNCH chính là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng HNCH đã và đang diễn ra phổ biến trong cộng đồng người DTTS. Xuất phát từ thực trạng đó, thì giải pháp cần thiết hiện nay đó là nâng cao kiến thức cho người dân về vấn đề này. Thứ nhất, cần đẩy mạnh công tác về truyền thông, phổ biến kiến thức cho người dân. Thông qua công tác này, có thể nâng cao hiểu biết của người dân và ý thức của họ về HNCH, phòng tránh các hệ lụy và hậu quả của HNCH gây ra, xóa bỏ các hủ tục lạc hậu của người DTTS như quan niệm kết hôn trong họ tộc để lưu giữ tài sản hay hủ tục cưỡng ép hôn nhân, gả bán. Cần thiết phải tổ chức công tác tuyên truyền bằng các chiến dịch cụ thể, thông qua các hoạt động giao

lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao; tuyên truyền thông qua cán bộ thôn bản, bộ đội biên phòng; sử dụng các tờ rơi, hình ảnh dễ hiểu nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền. *Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua giáo dục nhà trường.* Nhà trường là môi trường giáo dục quan trọng, hơn nữa, học sinh ở cấp trung học là nhóm đối tượng tham gia trực tiếp vào việc kết hôn trong tương lai. Vì thế, cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho học sinh trong các nhà trường nhằm tuyên truyền về HNCH; lồng ghép kiến thức về vấn đề này vào một số môn học. Khi kiến thức về HNCH của người dân được nâng cao thì thái độ phản đối HNCH cũng được tăng lên, từ đó dẫn đến hành vi đúng đắn của người dân về vấn đề này.

*** Giải pháp quản lý của chính quyền địa phương**

Để hạn chế và ngăn chặn tình trạng HNCH thì công tác quản lý của chính quyền địa phương đóng vai trò vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, việc quản lý, xử phạt của chính quyền địa phương về các trường hợp HNCH còn chưa chặt chẽ và nghiêm túc. Xuất phát từ thực trạng tế này, công tác quản lý của chính quyền địa phương, của các ban ngành đoàn thể cần chú ý và đẩy mạnh những điểm sau: *Thứ nhất, cần nâng cao năng lực và trách nhiệm quản lý của cán bộ địa phương.* Cán bộ quản lý các cấp ở địa phương cần nâng cao kiến thức, thái độ và trách nhiệm của mình trong việc hạn chế HNCH. Cán bộ địa phương cần được tập huấn, đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý về mặt dân số, năng lực tuyên truyền vận động người dân thực hiện đúng quy định pháp luật về hôn nhân. *Thứ hai, cần tăng cường công tác kiểm tra, rà soát và xử lý các trường hợp vi phạm về HNCH.* Cán bộ quản lý địa phương cần tăng cường công tác kiểm tra, rà soát nhân khẩu, kết hôn và li hôn của người dân ở địa phương. Từ đó, phát hiện và kiên quyết xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về HNCH. *Thứ ba, cần đưa nhiệm vụ giải quyết vấn đề HNCH vào nghị quyết, kế hoạch hoạt động hằng năm của cấp ủy, chính quyền các địa phương, đặc biệt là vùng biên giới.* Phòng ngừa và ngăn chặn HNCH là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, phải đặt dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy, sự điều hành của chính quyền và có sự phối hợp chặt chẽ thống nhất của các ban ngành, đoàn thể. Đặc biệt, đối với vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, cần có các cơ chế, quy định phù hợp với điều kiện, khả năng và trình độ dân trí của người dân. Nếu thực hiện tốt được các công tác quản lý này, không những giúp hạn chế các trường hợp vi phạm về HNCH mà còn giúp thực hiện tốt công tác quản lý nhân khẩu, công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình và các vấn đề an ninh biên giới khác.

3. Kết luận

Tỉ lệ HNCH của người DTTS tại tỉnh Điện Biên là 2,2%, phân bố không đều giữa các dân tộc khác nhau. Hiểu biết của người DTTS về HNCH là khá thấp khi có tới 56,4% người dân không có hiểu biết tốt và 8,1% người dân không biết về HNCH. Số người DTTS tại tỉnh Điện Biên coi HNCH là bình thường chiếm tới 11,9% và số người dân ủng hộ việc này chiếm 1,2%. Chính quyền địa phương chưa quyết liệt trong việc xử phạt các trường hợp HNCH. Số các trường hợp HNCH bị chính quyền địa phương xử phạt chỉ chiếm 35,3%, trong khi đó, số trường hợp không bị xử phạt chiếm tới 58,8%. Xuất phát từ thực trạng về HNCH tại tỉnh Điện Biên, các giải pháp được đề xuất nhằm giảm tình trạng này bao gồm: (1) Giải pháp về tuyên truyền và vận động để nâng cao hiểu biết và thái độ của người dân, và (2) Giải pháp về nâng cao công tác quản lý của chính quyền địa phương về HNCH.

Lời cảm ơn. Nghiên cứu này được thực hiện trong khuôn khổ đề tài "*Hôn nhân, gia đình của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Điện Biên - Vấn đề và giải pháp*". Nhóm tác giả xin cảm ơn sự hỗ trợ về tài chính và mọi sự ủng hộ khác của các Sở, Ban, Ngành của tỉnh Điện Biên. Đặc biệt, các tác giả xin gửi lời cảm ơn chân thành đến những người dân đã tham gia vào nghiên cứu và góp phần mang lại thành công cho nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bittles A.H., 1980. *Inbreeding in human populations*. Biochemical Reviews, 50, 108-117.
- [2] Appaji Rao N., 1991. *Genetic consequences of inbreeding in a large human population*. Proceedings of the Indian National Science Academy, 357, 361-368.
- [3] Zlotogora J., 2002. *What is the birth defect risk associated with consanguineous marriage?*, Am. J. Med. Genet., 109, 70 -71.
- [4] Bittles A.H., 2008. *A community genetics perspective on consanguineous marriage*. Commun. Genet., 11, 324-330.
- [5] Bittles A.H. and Black M.L., 2009. *Consanguinity, human evolution, and complex diseases*. Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America, 107, 1779-1786.
- [6] Tổng cục Thống kê, 2013. *Kết quả điều tra biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình năm 2013*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [7] Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa Gia đình, 2014. *Báo cáo kết hôn cận huyết thống ở đồng bào dân tộc thiểu số*, Hà Nội.
- [8] Ban Dân tộc tỉnh Lai Châu, 2011. *Báo cáo về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết*. Lai Châu.
- [9] Tổng cục thống kê, 2009. *Kết quả điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ (MICS4 và MICS5)*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [10] Ban Dân tộc tỉnh Sơn La, 2014. *Báo cáo về tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết*. Sơn La.
- [11] Trần Trí Dõi, 2014. *Vấn đề mù chữ và tái mù vùng dân tộc thiểu số trường hợp xã Mường Mươn và Na Sang huyện Mường Chà tỉnh Điện Biên*, Ngôn ngữ và đời sống, 5, 223-228.
- [12] Ủy ban Dân tộc, 2017. *Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số*, Hà Nội.
- [13] Phạm Hoa, 2012. *Nguy cơ suy giảm giống nòi từ hôn nhân cận huyết thống*, Nhân dân, 27/1/2012.

ABSTRACT

Status of consanguineous marriage in ethnic minority and recommended solutions to reduce consanguineous marriage in ethnic minority in Dienbien province

Nguyen Phuc Hung¹, Hoang Kim Thanh² and Dao Huy Khue³

¹Faculty of Biology, Hanoi National University of Education

²Departments of Basic Sciences, Lang Son Medical College

³Centre for Anthropology, Vietnam Union of Science and Technology Associations

This study was conducted to evaluate consanguineous marriage status of the ethnic minority in Dien Bien province and to propose possible solutions to reduce this situation in ethnic communities in this province. Data were collected by 762 questionnaires of ethnic minority households in 18 communes, in 6 districts through Dien Bien province. Results showed that the percentage of ethnic minority people in Dien Bien province involving in consanguineous marriage was 2.2% and ranged differently among ethnic groups. The ethnic minority people's knowledge of consanguineous marriage was quite poor when 56.4% of people did not know well and 8.1% of the people did not know anything about consanguineous marriage at all. The percentage of people considering consanguineous marriage as a normal situation accounted for 11.9% and that of people supporting for it was 1.2%. Local authorities did not work well to prohibit people from consanguineous marriage. There were 58.8% of consanguineous marriage cases with no punishments while only 35.3% of cases were sanctioned. Based on the status of consanguineous marriage in ethnic minority in Dien Bien province, it is suggested that the proposed solutions to reduce this situation include: (1) Solutions to improve people's understanding and attitude in consanguineous marriage, and (2) Solutions to improve management work of local authorities on consanguineous marriage.

Keywords: Consanguineous marriage, ethnic minority, Dien Bien province.